

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HS-ST

Ngày 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đoàn Hằng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tần A Sính và bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức H**; sinh năm: 1994; nơi sinh: thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: tổ 7, phường QT, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Lê Thị H (sinh năm: 1962); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Tổng công ty Viễn thông Mobifone. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Khắc Q; sinh năm: 1983; nơi cư trú: tổ 3, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, trú tại: tổ 1, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông: Lò Văn P, sinh năm 1956, trú tại: bản Tà Tú, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Bà: Lò Thị S, sinh năm 1958, trú tại: bản Tà Tú, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Người làm chứng: bà Lò Thị N, sinh năm 1990, trú tại: bản Tà Tú, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đức H từng làm nhân viên vận hành thu phát sóng di động (trạm BTS) của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc (thuộc Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, đến tháng 10 năm 2021 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc, H biết trạm BTS MobiFone đặt tại bản Tà Tú, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ có 04 bình ắc quy chưa được đưa vào danh sách quản lý phần mềm, H có mật khẩu mở cửa trạm BTS. Do không có tiền tiêu sài, chiều ngày 05 tháng 11 năm 2021, H nảy sinh ý định trộm cắp 04 chiếc ắc quy trên mang bán lấy tiền tiêu sài. H gọi điện cho Phạm Anh Dũng làm nghề thu mua sắt vụn tại thành phố Lai Châu, H nói với Dũng: có bình ắc quy của công ty không dùng đến mang bán, Dũng đồng ý mua. H chuẩn bị 04 bao tải xác rắn và 02 đoạn dây chun, sau đó H và Dũng mỗi người điều khiển một xe mô tô đi từ thành phố Lai Châu đến bản Tà Tú, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ. Khi đến gần khu vực đặt trạm BTS MobiFone, H vào nhà bà Lò Thị S hỏi mượn 01 chiếc cờ lê cỡ 10 – 12, mục đích dùng để dùng để tháo bình ắc quy nH H không nói cho bà S biết. H và Dũng tiếp tục đi bộ đến trạm BTS MobiFone, H dùng mật khẩu là “1994” mở cửa trạm, sau đó ngắt cầu dao điện rồi dùng cờ lê tháo được bình ắc quy, H và Dũng cùng kéo đến vị trí dựng xe mô tô và cất giấu 04 bình ắc quy vào 04 bao tải xác rắn. H, Dũng mỗi người dùng 01 đoạn dây chun chằng 02 bình ắc quy lên yên xe mô tô, điều khiển đi về thành phố Lai Châu. Khi đến thành phố Lai Châu, Dũng nhờ H chở bình ắc quy đến bán cho anh Nguyễn Văn T. Anh T mua 04 bình ắc quy theo giá sắt vụn với tổng số tiền là 2.920.000 đồng, Dũng nhận tiền rồi đưa cho H số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền bán bình ắc quy mà có, H mang đi tiêu sài hết 2.280.000 đồng, còn 220.000 đồng H giao nộp cho Cơ quan điều tra khi triệu tập đến làm việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sìn Hồ kết luận: 04 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu Vision, loại 150AH12V của Tổng Công ty Viễn thông MobiFone bị Nguyễn Đức H chiếm đoạt có tổng giá trị là 17.280.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSSH ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân

dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đề xét xử bị cáo Nguyễn Đức H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố, không oan, không sai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Đức H về tội: “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 06 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng các Điều 122, 123, 131, 407, 288, 357 và 468 Bộ luật Dân sự: ghi nhận thỏa thuận về việc bị cáo Nguyễn Đức H phải hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T số tiền 2.920.000 đồng. Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tiêu hủy 04 bao tải xác rắn, 02 đoạn dây chun thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H. Nộp ngân sách Nhà nước số tiền 220.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H. Trả lại cho ông Lò Văn P 01 chiếc cò lê cỡ 10-12.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và không tranh luận gì.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại, ông Nguyễn Khắc Q không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức H phải bồi thường. Ông Q có ý kiến: quá trình làm việc cho Tổng Công ty bị cáo Nguyễn Đức H luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do nhất thời suy nghĩ không chín chắn nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên bị cáo:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự hình sự quy định và có giá trị pháp lý. Những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhân thân của bị cáo, với mức độ nghiêm trọng, nguy hại cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên cần được chấp nhận toàn bộ.

Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: vào ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại bản Tà Tú, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, bị cáo Nguyễn Đức H đã thực hiện hành vi trộm cắp 04 chiếc bình ắc quy của Tổng Công ty Viễn thông MobiFone đặt tại Trạm BTS, có tổng trị giá là 17.280.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Đức H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng không tốt đến an ninh, trật tự ở địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội. Chỉ vì ham chơi, ham hưởng thụ tài sản không do mình tự làm ra mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Nên cần áp dụng một hình phạt tương xứng với mức độ nguy hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội; phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[3] Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc T hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã nộp số tiền 500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ để thực hiện trách nhiệm dân sự với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền

của bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T thống nhất thỏa thuận về việc hoàn trả số tiền mua bán 04 bình ắc quy là 2.920.000 đồng. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận trong Bản án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 122, 123, 131, 407, 288, 357 và 468 Bộ luật Dân sự, ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T: bị cáo phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 2.920.000 đồng, được trừ đi 500.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả số tiền là 2.420.000 đồng.

[7] Xử lý vật chứng:

Cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để:

Tịch thu, tiêu hủy: 02 đoạn dây chun màu đen, có chiều dài 3,57 m; 02 bao rải xác rắn màu cam, 02 bao tải xác rắn màu trắng là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 220.000 đồng do bị cáo giao nộp là tiền do phạm tội mà có.

Trả lại cho ông Lò Văn P (là chồng bà Lò Thị S - người giao nộp chiếc cờ lê) 01 chiếc cờ lê bằng kim loại (loại cỡ 10-12).

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Theo lời khai của Nguyễn Đức H, Phạm Anh D là người đi cùng H trộm cắp 04 bình ắc quy của Tổng Công ty Viễn thông MobiFone mang đi bán. Quá trình điều tra xác minh D không có mặt tại nơi cư trú ở khu 2 xã Văn Lang huyện Hạ Hòa tỉnh Phú Thọ, D cũng không có mặt tại nơi thường xuyên sinh sống ở tổ 7 phường Quyết Tiến thành phố Lai Châu tỉnh Lai Châu; gia đình không biết D đi đâu, làm gì. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan để điều tra, xác minh xử lý sau đối với Phạm Anh Dũng là đúng quy định.

Quá trình thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo Nguyễn Đức H mượn của bà Lò Thị S là 01 chiếc cờ lê để tháo ốc lấy 04 bình ắc quy. Sau đó, bị cáo cùng Dũng bán 04 bình ắc quy cho anh Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định, bà S không biết H mượn cờ lê để làm công cụ trộm cắp bình ắc quy, anh T không biết 04 chiếc bình ắc quy là do H trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Lò Thị S, anh Nguyễn Văn T là đúng quy định.

[9] Về án phí: theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do đã thỏa thuận với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về trách nhiệm dân sự trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Quyền kháng cáo: theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 173, Điều 38, Điều 47, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, các Điều 135, 136, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 122, 123, 131, 407, 288, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Hình phạt chính: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.
3. Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.
4. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T: bị cáo phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 2.920.000 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả số tiền là 2.420.000 đồng.

T hợp bị cáo mà chậm trả tiền cho bị hại thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 02 đoạn dây chun màu đen, có chiều dài 3,57 m; 02 bao rải xác rắn màu cam, 02 bao tải xác rắn màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 220.000 đồng do bị cáo giao nộp.

Trả lại cho ông Lò Văn P 01 chiếc cò lê bằng kim loại (loại cỡ 10-12).

6. Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31 tháng 5 năm 2022); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CQCSĐT CA huyện Sìn Hồ;
- CQTHAHS CA huyện Sìn Hồ;
- CCTHADS huyện Sìn Hồ;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có ql, nvlq;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hằng Hải